TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/DS-ST.
Ngày: 15/02/2022.
V/v: "T/c hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Nguyễn Tấn Lập

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 12/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 24/01/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: - Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 4, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Ông **Phạm Văn C,** sinh năm 1982 (có mặt) và bà **Nguyễn Thị Ánh S1,** sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đường Thét, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2021, quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:*

Do chỗ quen biết nên vợ chồng ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 có đến Cửa hàng nông nghiệp Thành S do chồng tôi là ông Trần Văn S làm đại diện mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) nhiều lần để phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Khi bán vật tư nông nghiệp chúng tôi có sổ sách ghi chép công nợ.

Đến ngày 28/5/2020 chúng tôi cùng ông Phạm Văn C tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán vật tư nông nghiệp thì vợ chồng ông C, bà Ánh S1 còn nợ chúng tôi tổng số tiền gốc là 643.121.000 đồng. Sau khi kết thúc công nợ thì vợ chồng chúng tôi có đòi nợ nhiều lần nhưng ông C cứ hứa hẹn, không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 trả số tiền nợ (tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu) tổng cộng là 845.961.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 643.121.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 24/01/2022 là 20 tháng 17 ngày (làm tròn 19 tháng, bà H bớt 1 tháng 27 ngày) với lãi suất 1,66%/tháng: cụ thể là 643.121.000 đồng x 19 tháng x 1,66%/tháng = 202.840.000 đồng).

Tuy nhiên tại phiên tòa phía bà H chỉ yêu cầu phía vợ chồng ông C, bà Ánh S1 chỉ phải trả số tiền nợ là 800.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 643.121.000.000 đồng, tiền lãi là 156.879.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 trình bày như sau:*

Chúng tôi thừa nhận từ năm 2017 vợ chồng tôi có mua vật tư nông nghiệp (phân bón và thuốc trừ sâu) tại Cửa hàng nông nghiệp Thành S do ông Trần Văn S làm đại diện để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 28/5/2020 chúng tôi

cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn S tiến hành đối chiếu công nợ quá trình mua bán vật tư nông nghiệp thì chúng tôi còn nợ bà H, ông S tổng số tiền gốc là 643.121.000 đồng. Sau khi kết thúc công nợ thì do chúng tôi làm ăn thu lỗ nên mặc dù có cam kết trả nợ trên cho bà H, ông S nhưng chúng tôi không thực hiện việc trả nợ được.

Tại phiên tòa hôm nay ông S, bà H yêu cầu vợ chồng chúng tôi phải trả số nợ tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu tổng cộng là 800.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 643.121.000.000 đồng, tiền lãi là 156.879.000 đồng) thì vợ chồng tôi cũng đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi xin được trả dần mỗi vụ lúa là 200.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền thiếu nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 800.000.000 đồng. Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 đã nhiều lần mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu tại cửa vật tư nông nghiệp Thanh S do ông Trần Văn S làm chủ để về sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 28/5/2020 hai bên kết nợ với nhau, theo đó phía ông C và bà Ánh S1 còn nợ phía ông S và bà H số tiền gốc là 643.121.000.000 đồng. Tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay ông C và bà Ánh S1 đều thừa nhận còn nợ phía ông S và bà H số tiền gốc mua vật tư nông nghiệp nêu trên, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua bán phân bón, thiếu trừ sâu còn nợ tổng cộng là 800.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 643.121.000.000 đồng và tiền lãi là 156.879.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên bán là ông S, bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông C và bà Ánh S1 đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán…"*.

Đồng thời, tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng…3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông S, bà H yêu cầu ông C, bà Ánh S1 phải trả cho ông S, bà H số tiền mua bán còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,66%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 28/5/2020, phía ông C và bà Ánh S1 hẹn sẽ thanh toán hết số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền gốc và lãi. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bà S và ông C và bà Ánh S1 thỏa thuận được việc trả số nợ 800.000.000 đồng nêu trên. Các đương sự thống nhất phương thức trả nợ như sau: lần thứ nhất vào ngày 01/4/2022 phía ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 sẽ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn

Thị Kim H, bà H không yêu cầu tính lãi trong thời gian này; lần thứ hai vào ngày 01/9/2022 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán tiếp số tiền là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và thanh toán thêm số tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 600.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/9/2022; lần thứ ba vào ngày 01/4/2023 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán tiếp số tiền là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và thanh toán thêm số tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 400.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/4/2023; lần cuối vào ngày 01/9/2023 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán số tiền còn lại là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 200.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/9/2023. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX ghi nhận tự tự nguyện này.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng án phí phía bị đơn không đồng ý chịu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 về việc đồng ý trả số tiền còn nợ là 800.000.000 đồng cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H.

1.1. Phương thức trả nợ như sau:

- Lần thứ nhất: vào ngày 01/4/2022 phía ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 sẽ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H.

- Lần thứ hai: vào ngày 01/9/2022 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán tiếp số tiền là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và thanh toán thêm số tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 600.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/9/2022.

- Lần thứ ba: vào ngày 01/4/2023 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán tiếp số tiền là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và thanh toán thêm số tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 400.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/4/2023.

- Lần thứ tư: vào ngày 01/9/2023 phía ông C và bà Ánh S1 sẽ thanh toán số tiền còn lại là 200.000.000 đồng cho ông S, bà H và tiền lãi là 1%/tháng/số nợ còn lại là 200.000.000 đồng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/9/2023.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ánh S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.425.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001370 ngày 02/11/2021 và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001424 ngày 26/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An